BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:6077/BTC-TCDN	
V/v lấy ý kiến tham gia dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định số 67/2012/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2014*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY ...
Số: 1638
ĐẾN Ngày: 16/5/14
Chuyển: Hạt Đ.Lý
NM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thay thế Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư hướng dẫn đấu thầu , đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi (dự thảo Thông tư kèm theo).

Để giúp Bộ Tài chính hoàn thiện dự thảo Thông tư trước khi ban hành, kính đề nghị Quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia gửi về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) số 28 phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội trước ngày 15 tháng 6 năm 2014. Sau thời gian trên nếu chưa nhận được ý kiến đóng góp của Quý cơ quan, Bộ Tài chính xin được hiểu là Quý cơ quan đồng ý với bản dự thảo này.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ NN&PTNT;
- Vụ NSNN, Vụ CST, Vụ PC;
- Lưu: VT, TCDN. (90 bản)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: /2014/TT-BTC	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày tháng năm 2014

THÔNG TƯ
Hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thuỷ lợi

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 143/2003/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi (sau đây gọi tắt là Nghị định số 67 /2012/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 71/20013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (sau đây gọi tắt là Nghị định số 130/2013/NĐ-CP);

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn việc đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch, đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi như sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông (tưới nước, tiêu nước, cấp nước) theo Nghị định số 67/2012/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức hợp tác dùng nước, các đơn vị sự nghiệp, cá nhân (sau đây gọi tắt là đơn vị thuỷ nông) có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật làm nhiệm vụ cung ứng dịch vụ thuỷ nông.

Điều 3. Cơ quan tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch cung ứng dịch vụ thuỷ nông

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc trung ương.

3. Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh) tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi địa phương.

Điều 4. Đơn vị tham gia đấu thầu, nhận đặt hàng, được giao kế hoạch

1. Đơn vị tham gia đấu thầu, đặt hàng: Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, cá nhân tổ chức hợp tác dùng nước tham gia quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là đơn vị tham gia đấu thầu, đặt hàng).

2. Đơn vị được giao kế hoạch: Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sở hữu nhà nước, đơn vị sự nghiệp được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, các tổ chức khác của nhà nước được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là đơn vị được giao kế hoạch).

Căn cứ quy mô hệ thống công trình thuỷ lợi, đặc thù của từng địa phương, Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định áp dụng hình thức đấu thầu, đặt hàng hay giao kế hoạch cho phù hợp để hoạt động quản lý khai thác công trình thuỷ lợi đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 5. Sản phẩm đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch

Sản phẩm dịch vụ thủy nông để đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch: Là diện tích (ha) hoặc mét khối (m3) được tưới nước, tiêu nước và cấp nước.

Điều 6. Giá, đơn giá đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch

Giá, đơn giá đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch được xác định trên cơ sở mức thu thuỷ lợi phí do Chính phu quy định hoặc được xác định trên cơ sở các

định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Hình thức áp dụng đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch

Hình thức đấu thầu: Được áp dụng đối với quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi có quy mô vừa và nhỏ (trong phạm vi địa bàn một xã hoặc hợp tác xã, thôn, bản).

Hình thức đặt hàng: Được áp dụng đối với quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, liên huyện và hệ thống công trình thủy lợi có quy mô vừa và nhỏ.

Hình thức giao kế hoạch: Được áp dụng đối với quản lý, khai thác hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh, liên huyện .

Điều 8. Nguyên tắc thanh toán chi phí cung ứng dịch vụ thuỷ nông

1. Các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi được ngân sách nhà nước cấp thanh toán số tiền do miễn thu thuỷ lợi phí theo quy định hiện hành.

Đối với các đối tượng không được miễn thủy lợi phí, đơn vị nhận đặt hàng, giao kế hoạch có nhiệm vụ phải thu thuỷ lợi phí theo quy định hiện hành.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sở hữu nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi nhận đặt hàng, giao kế hoạch theo mức thu thuỷ lợi phí do Chính phủ quy định, nếu mức thu thấp hơn chi phí thực tế hợp lý sẽ được ngân sách nhà nước trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính; công ty không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận không đủ để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 02 tháng lương thực tế được Nhà nước hỗ trợ để trích lập 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi tương đương với mức 02 tháng lương thực tế thực hiện trong năm.

Ngoài khoản kinh phí cấp bù do miễn thu thủy lợi phí, các đơn vị thủy nông được ngân sách nhà nước hỗ trợ các khoản trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Ngân sách trung ương trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty quản lý khai thác thuỷ lợi do trung ương quản lý; ngân sách địa phương trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các công ty quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi do địa phương quản lý.

3. Mức độ hoàn thành về sản lượng, chất lượng, tiến độ sản xuất và cung ứng dịch vụ thuỷ nông theo phương thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch là các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước thực hiện nhiệm vụ công ích.

CHƯƠNG II

ĐẤU THẦU CUNG ỨNG DỊCH VỤ THUỶ NÔNG

Điều 9. Điều kiện tổ chức đấu thầu, điều kiện tham gia đấu thầu

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 10. Hình thức đấu thầu

Được áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế theo điểm 2 Điều 12 của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 11.Trình tự thực hiện đấu thầu cung ứng dịch vụ thủy nông

Trình tự thực hiện đấu thầu cung ứng dịch vụ thủy nông, thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu, lập thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, chuẩn bị đấu thầu, tổ chức đấu thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, trình duyệt, thẩm định, phê duyệt, thông báo kết quả đấu thầu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng được áp dụng theo Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

CHƯƠNG III

ĐẶT HÀNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ THUỶ NÔNG

Điều 12. Điều kiện đặt hàng dịch vụ thuỷ nông

Được thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Nghị định số định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 13. Đặt hàng dịch vụ thuỷ nông

1. Căn cứ đặt hàng

a) Đơn giá hoặc giá của dịch vụ thuỷ nông theo phương thức đặt hàng được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí

hiện hành của Nhà nước và do Bộ Tài chính, Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tỉnh (gọi tắt là các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền) quyết định theo quy định của Luật Giá và các văn bản hướng dẫn;

b) Trên cơ sở dự toán được giao và đơn giá hoặc giá dịch vụ thuỷ nông được các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định, cơ quan đặt hàng xác định số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông để ký hợp đồng đặt hàng.

2. Hợp đồng đặt hàng dịch vụ thuỷ nông

Trên cơ sở dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc uỷ quyền cho đơn vị trực thuộc Bộ ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình thuỷ lợi do Bộ quản lý; Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc uỷ quyền cho các Sở, Ngành trực thuộc tỉnh, thành phố, Uỷ ban nhân dân cấp huyện (đối với đơn vị thuỷ nông do huyện quản lý) ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị quản lý khai thác công trình thuỷ lợi do địa phương quản lý. Mẫu hợp đồng theo quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này (trong nội dung hợp đồng có thể bổ sung một số điều khoản và phụ lục cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương).

Căn cứ đặc thù của dịch vụ thuỷ nông, cơ quan đặt hàng ký kết hợp đồng với doanh nghiệp được đặt hàng theo các chỉ tiêu chủ yếu sau:

a) Diện tích (ha), khối lượng (m3) tưới nước, tiêu nước, cấp nước

b) Chất lượng;

c) Giá, đơn giá;

d) Mức trợ giá;

đ) Số lượng, khối lượng dịch vụ thủy nông được trợ giá;

e) Giá trị hợp đồng;

g) Thời gian hoàn thành;

h) Địa điểm giao nhận;

i) Phương thức nghiệm thu, thanh toán;

k) Trách nhiệm và nghĩa vụ giữa cơ quan đặt hàng và doanh nghiệp được đặt hàng;

l) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng.

Ngoài ra, các bên có thể thoả thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng nhưng không trái với quy định của pháp luật và không làm thay đổi giá, đơn giá của dịch vụ thủy nông.

3. Một số lưu ý khi ký kết hợp đồng đặt hàng:

- Căn cứ vào hợp đồng đặt hàng với cơ quan nhà nước, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quản lý khai thác công trình thuỷ lợi ký hợp đồng với các tổ chức hợp tác dùng nước có quản lý một phần công trình nằm trong lưu vực hệ thống công trình do công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thuỷ lợi quản lý.

- Kết thúc năm cơ quan đặt hàng và đơn vị nhận đặt hàng phải thực hiện thanh lý và ký biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng. Biên bản thanh lý hợp đồng đặt hàng là căn cứ để cơ quan đặt hàng thanh, quyết toán kinh phí cho đơn vị nhận đặt hàng và để cơ quan đặt hàng quyết toán kinh phí với ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận, cơ quan đặt hàng thực hiện ký kết hợp đồng với đơn vị nhận đặt hàng. Trường hợp trong đơn giá ký kết hợp đồng đã xây dựng một phần lợi nhuận hợp lý bao gồm cả trích 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi thì không thực hiện cấp bù 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi.

- Tuỳ theo đặc thù của từng hệ thống công trình thuỷ lợi, đơn giá đặt hàng cơ quan đặt hàng quy định tỷ lệ hoặc mức hợp lý về duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thuỷ lợi trong hợp đồng đặt hàng. Kinh phí này chỉ được dùng để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thuỷ lợi, không được dùng vào việc khác, không được chuyển thành lãi của đơn vị. Nếu không dùng hết được kết chuyển kinh phí sang năm sau để duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thuỷ lợi. Tỷ lệ hoặc mức về duy tu, sửa chữa, nâng cấp là cơ sở giám sát thực hiện hợp đồng đặt hàng buộc đơn vị nhận đặt hàng phải duy tu sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình tránh bị xuống cấp.

Điều 14. Điều chỉnh hợp đồng đặt hàng

Được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 15. Thanh toán sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng

1. Căn cứ thanh toán:

a) Hợp đồng đặt hàng đã được ký kết giữa cơ quan đặt hàng với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;

b) Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông hoàn thành giữa cơ quan đặt hàng với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân;

c) Giá, đơn giá, mức trợ giá thanh toán do các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Cơ quan thực hiện thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông do Nhà nước đặt hàng bằng nguồn vốn ngân sách:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thanh toán, quyết toán đối với sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông thực hiện cung ứng theo phương thức đặt hàng bằng nguồn ngân sách địa phương.

b) Bộ quản lý ngành chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện thanh toán, quyết toán đối với dịch vụ thuỷ nông thực hiện cung ứng theo phương thức đặt hàng bằng nguồn ngân sách trung ương.

3. Trình tự và thủ tục thanh toán, quyết toán dịch vụ thuỷ nông thực hiện theo Quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

CHƯƠNG IV

GIAO KẾ HOẠCH CUNG ỨNG DỊCH VỤ THUỶ NÔNG

Điều 16. Căn cứ và thời gian giao kế hoạch

1. Căn cứ giao kế hoạch:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch về cung ứng dịch vụ thuỷ nông trong kế hoạch hàng năm của công ty báo cáo cơ quan giao kế hoạch theo mẫu biểu phụ lục số 01 đính kèm.

b) Cơ quan giao kế hoạch căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước do Nhà nước giao cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về sản xuất, cung ứng dịch vụ thuỷ nông; các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông và năng lực về vốn, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động của từng công ty thực hiện nhiệm vụ công ích để giao kế hoạch, sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của cơ quan tài chính.

c) Đơn giá hoặc giá của sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông cung ứng theo phương thức giao kế hoạch được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của Nhà nước và do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2. Thời gian giao kế hoạch: cơ quan giao kế hoạch phải hoàn thành việc giao kế hoạch cho công ty nhà nước thực hiện cung ứng dịch vụ công thuỷ nông trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

Điều 17. Nội dung giao kế hoạch

Căn cứ đặc thù dịch vụ thủy nông cơ quan giao kế hoạch giao cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông theo các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Kế hoạch cung ứng dịch vụ thuỷ nông:

a) Diện tích (ha), khối lượng (m3) tưới nước, tiêu nước, cấp nước

b) Chất lượng ;

c) Giá, đơn giá;

d)Thời gian hoàn thành;

đ) Số lượng, khối lượng dịch vụ thuỷ nông được trợ cấp;

2. Kế hoạch tài chính:

a) Doanh thu, chi phí, lợi nhuận hoạt động thuỷ nông ;

b) Số phí thu được (hoặc số phí được để lại), chênh lệch giữa số phí thu được (hoặc số phí được để lại) với chi phí đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ công ích từ nguồn thu phí;

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành;

d) Giá, đơn giá thanh toán dịch vụ thuỷ nông;

đ) Mức trợ cấp đối với dịch vụ thuỷ nông có giá tiêu thụ thấp hơn chi phí hợp lý;

e) Số tiền Nhà nước trợ cấp để trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (trường hợp công ty không đủ lợi nhuận để trích 2 quỹ này theo quy định);

3. Một số chỉ tiêu khác tuỳ theo đặc thù của dịch vụ thuỷ nông hoặc theo yêu cầu quản lý của Nhà nước.

Điều 18. Điều chỉnh kế hoạch thực hiện cung ứng dịch vụ thủy nông

Được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

Điều 19. Thanh toán sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông thực hiện theo phương thức giao kế hoạch

1. Căn cứ thanh toán:

a) Quyết định giao kế hoạch của Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao kế hoạch cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông;

b) Biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ thuỷ nông hoàn thành giữa cơ quan giao kế hoạch (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ công ích;

c) Giá, đơn giá thanh toán do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Cơ quan thực hiện thanh toán, quyết toán dịch vụ thuỷ nông do Nhà nước giao kế hoạch bằng nguồn vốn ngân sách :

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thanh toán, quyết toán đối với dịch vụ thuỷ nông giao kế hoạch cho các công ty nhà nước trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện thanh toán, quyết toán đối với dịch vụ thuỷ nông giao kế hoạch cho các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông trực thuộc Bộ.

3. Trình tự và thủ tục thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 20. Trách nhiệm của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông có trách nhiệm hoàn thành các

chỉ tiêu kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, trong đó có các chỉ tiêu chủ yếu sau đây:

a) Diện tích (ha), khối lượng (m3) tưới nước, tiêu nước, cấp nước

b) Chất lượng dịch vụ ;

c) Tiến độ cung ứng dịch vụ .

Trường hợp trong năm thực hiện kế hoạch nếu có một số nguyên nhân khách quan cần điều chỉnh kế hoạch thì công ty phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và quyết định.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cung ứng dịch vụ thuỷ nông phải báo cáo cơ quan giao kế hoạch, cơ quan tài chính cùng cấp tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo.

CHƯƠNG V

LẬP KẾ HOẠCH, GIAO DỰ TOÁN, CẤP PHÁT, THANH QUYẾT TOÁN CUNG ỨNG DỊCH VỤ THUỶ NÔNG KHI THỰC HIỆN THEO PHƯƠNG THỨC ĐẤU THẦU, ĐẶT HÀNG, GIAO KẾ HOẠCH VÀ CÁC KHOẢN HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CHO CÁC ĐƠN VỊ LÀM NHIỆM VỤ CUNG ỨNG DỊCH VỤ THỦY NÔNG

Điều 21. Lập kế hoạch

1.1. Đối với trường hợp đấu thầu

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ, diện tích (m3), đơn giá (định mức kinh tế kỹ thuật) các đơn vị được giao tổ chức mời thầu thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi phải lập kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường, kế hoạch tài chính theo quy định gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với đơn vị thuộc đối tượng được giao tổ chức mời thầu thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đơn vị thuộc huyện quản lý báo cáo Uỷ ban nhân dân huyện.

Đối với đơn vị thuộc đối tượng được giao tổ chức mời thầu thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi trung ương báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

1.2. Đối với trường hợp đặt hàng

Hàng năm căn cứ vào thực trạng tưới nước, tiêu nước, cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường, đơn vị đặt hàng lập kế hoạch cụ thể đối với từng

nhiệm vụ cần đặt hàng gửi cơ quan tài chính để tổng hợp trong kế hoạch ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trình tự thời gian lập kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

1.3. Đối với trường hợp giao kế hoạch

Hàng năm các đơn vị thuộc đối tượng được giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi phải lập kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường, kế hoạch tài chính theo mẫu biểu quy định tại phụ lục số 01 và Sở Tài chính tổng hợp theo mẫu biểu quy định tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này báo cáo cơ quan có thẩm quyền giao kế hoạch xem xét, quyết định.

Khi xây dựng kế hoạch các đơn vị phải có các phụ biểu để giải trình và thuyết minh số liệu cho biểu phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với đơn vị thuộc đối tượng được giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; đơn vị thuộc huyện quản lý báo cáo Uỷ ban nhân dân huyện.

Đối với đơn vị thuộc đối tượng được giao kế hoạch làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi trung ương báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

Điều 22. Tổng hợp dự toán, giao kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch với đơn vị quản lý khai thác công trình thuỷ lợi

2.1. Tổng hợp kế hoạch

Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch của các đơn vị thuộc tỉnh, thành phố quản lý (bao gồm cả kế hoạch của đơn vị thuộc cấp huyện quản lý) để báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Trong kế hoạch tổng hợp phải xác định rõ số kinh phí ngân sách cấp theo từng loại:

- Kinh phí cấp bù miễn thu thuỷ lợi phí;

- Kinh phí trợ cấp, trợ giá;

- Kinh phí sửa chữa lớn;

- Kinh phí hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Kinh phí hỗ trợ khác.

Các khoản hỗ trợ cần được phân định theo nguồn kinh phí ngân sách trung ương, ngân sách địa phương.

Điều 23. Cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù thuỷ lợi phí được miễn, kinh phí hỗ trợ tài chính cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thuỷ lợi

1. Việc cấp phát kinh phí bù thuỷ lợi phí được miễn đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Cấp phát kinh phí hỗ trợ tài chính cho đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi

Việc cấp phát các khoản kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thực hiện theo Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ và Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước và theo hình thức lệnh chi tiền.

3. Cấp phát kinh phí trợ cấp, trợ giá

a) Đối với đơn vị được giao kế hoạch

Căn cứ vào kế hoạch được giao cho các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi, cơ quan tài chính cấp tạm ứng 50% dự toán năm ngay từ quý I của năm kế hoạch. Đến đầu quý IV năm kế hoạch, các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm và kế hoạch quý IV của năm kế hoạch, cơ quan tài chính thực hiện việc cấp tiếp kinh phí phù hợp với kế hoạch và dự toán ngân sách được giao.

b) Đối với đơn vị đặt hàng

Căn cứ vào dự toán được cấp có thẩm quyền giao, đơn vị đặt hàng thực hiện rút dự toán để thanh toán cho đơn vị nhận đặt hàng.

Căn cứ vào hợp đồng đặt hàng giữa cơ quan đặt hàng với đơn vị nhận đặt hàng: cơ quan đặt hàng thực hiện tạm ứng 50% kinh phí sau khi hợp đồng được ký kết. Sau khi có báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng giữa năm, cơ quan đặt hàng tạm ứng tiếp 40% kinh phí theo hợp đồng. Khi hợp đồng được nghiệm thu, thanh lý cơ quan đặt hàng thực hiện thanh toán nốt tương ứng với khối lượng được nghiệm thu thanh toán.

Đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi chỉ được hỗ trợ trong phạm vi dự toán ngân sách đã được phê duyệt. Trường hợp thực hiện vượt dự toán được duyệt sẽ xử lý theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Việc cấp phát kinh phí quy định như trên được thực hiện trong điều kiện thời tiết bình thường. Trường hợp thiên tai, bão lụt xảy ra bất thường, đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thuỷ lợi có thể đề nghị cơ quan đặt hàng, cơ quan giao kế hoạch cấp phát tạm ứng kinh phí để khắc phục hậu quả do thiên tai trong phạm vi kế hoạch được giao; đồng thời tổng hợp các khoản thiệt hại báo cáo cơ quan giao kế hoạch xem xét, quyết định. Đơn vị quản lý khai thác công trình thuỷ lợi do cấp nào quản lý thì sử dụng ngân sách cấp đó để giải quyết. Trường hợp ngân sách địa phương khó khăn, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Cấp phát kinh phí sửa chữa lớn: Thực hiện cấp phát theo trình tự thủ tục quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản và các quy định khác của pháp luật (đối với công tác sửa chữa lớn không thuộc nguồn kinh phí thu thuỷ lợi phí và nguồn kinh phí kinh doanh khai thác tổng hợp).

5. Cấp phát kinh phí hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Việc cấp phát kinh phí hỗ trợ 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi được thực hiện tương tự cấp phát khoản kinh phí cấp bù thuỷ lợi phí được miễn trên cơ sở kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. Quyết toán kinh phí hỗ trợ tài chính:

Việc thực hiện quyết toán tài chính các khoản hỗ trợ tài chính khi thực hiện chính sách miễn thuỷ lợi phí được thực hiện theo các quy định hiện hành. Cụ thể như sau:

- Đối với đơn vị được giao kế hoạch: Cơ quan giao kế hoạch phối hợp với cơ quan tài chính kiểm tra và phê duyệt các khoản hỗ trợ tài chính hàng năm cùng với thời gian phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm.

- Đối với đơn vị nhận đặt hàng: Cơ quan đặt hàng thực hiện quyết toán với cơ quan tài chính theo chế độ quyết toán kinh phí ngân sách hiện hành.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2014 và thay thế Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/1/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trì thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thuỷ lợi. Mọi quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này được bãi bỏ.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện, có vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành, Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị quản lý khai thác công trình thuỷ lợi phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các PTTg Chính phu:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát NDTC;
- Toà án NDTC;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở TC, Sở NN và PTNT, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Học viện Hành chính quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phu;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.

Phụ lục số 01

(Kèm theo Thông tư số ngày tháng năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi)

UBND tỉnh, thành phố... Năm:

Đơn vị quản lý khai thác công trình thuỷ lợi...

KẾ HOẠCH TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC	KẾ HOẠCH NĂM	GHI CHÚ
I	**Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước**	**Ha (m3)**				
1	Diện tích cấp nước	Ha (m3)				
2.	Diện tích tưới nước	Ha (m3)				
3	Diện tích tiêu nước	Ha (m3)				
4	Diện tích tưới tiêu kết hợp	Ha (m3)				
5	Diện tích khác.....	Ha (m3)				
II	**Kế hoạch doanh thu**					
1	Cấp bù do miễn thu thuỷ lợi phí	1.000đ				
2	Thu thuỷ lợi phí của các đối tượng không miễn thu thuỷ lợi phí					
3	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
4	Thu khác	1.000đ				
III	**Kế hoạch chi**	1.000đ				
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thuỷ lợi: Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng thường xuyên	1.000đ				
2	Chi cho kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
3	Chi khác	1.000đ				
IV	**Cân đối thu chi lãi (lỗ)**	1.000đ				
1	Lãi (Lỗ) KTCTTL	1.000đ				
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	1.000đ				
V	**Chi đầu tư, sửa chữa công trình thuỷ lợi:** **Trong đó:** **- Chi sửa chữa lớn từ nguồn thu của công ty**	1.000 đ				

	- Chi SCL đề nghị ngân sách cấp					
VI	**Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ**	1.000đ				
1.	**Nội dung hỗ trợ**					
1.1	Cấp bù do miễn thu thuỷ lợi phí	1.000đ				
1.2	Cấp kinh phí trợ cấp tài chính	1.000đ				
1.3	Cấp 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.000đ				
1.4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	1.000đ				
1.5	Cấp khoản hỗ trợ khác	1.000đ				
2.	**Nguồn hỗ trợ**	1.000đ				
2.1	Ngân sách Trung ương	1.000đ				
2.2	Ngân sách địa phương	1.000đ				
VII	**Kế hoạch nộp ngân sách**	**1.000đ**				
1	Nộp tiền thuê đất	1.000đ				
2	Nộp thuế GTGT	1.000đ				
3	Nộp khác	1.000đ				
VIII	**Kế hoạch lao động tiền lương**	1.000đ				
1	Số lao động	1.000đ				
2	Quỹ tiền lương	1.000đ				

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên. đóng dấu)

Phụ lục số 02

(Kèm theo Thông tư số ngày tháng năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi)

UBND tỉnh, thành phố... Năm:

SỞ TÀI CHÍNH...

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH TƯỚI, TIÊU, CẤP NƯỚC, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI TOÀN TỈNH, THÀNH PHỐ...

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH NĂM TRƯỚC	THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC	KẾ HOẠCH NĂM	GHI CHÚ
I	**Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước**	**Ha(m3)**				
1	Diện tích cấp nước	Ha (m3)				
2.	Diện tích tưới nước	Ha (m3)				
3	Diện tích tiêu nước	Ha (m3)				
4	Diện tích tưới tiêu kết hợp	Ha (m3)				
5	Diện tích khác.....	Ha (m3)				
II	**Kế hoạch doanh thu**					
1	Cấp bù do miễn thu thuỷ lợi phí	1.000đ				
2	Thu thuỷ lợi phí của các đối tượng không miễn thu thuỷ lợi phí					
3	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
4	Thu khác	1.000đ				
III	**Kế hoạch chi**	1.000đ				
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thuỷ lợi: Trong đó: Chi duy tu bảo dưỡng, sữa chữa thường xuyên	1.000đ				
2	Chi cho kinh doanh khai thác tổng hợp	1.000đ				
3	Chi khác	1.000đ				
IV	**Cân đối thu chi Lãi (lỗ)**	1.000đ				
1	Lãi (Lỗ) KTCTTL	1.000đ				
2	Lãi (lỗ) kinh doanh tổng hợp	1.000đ				
V	**Chi đầu tư, sửa chữa công trình thuỷ lợi** **Trong đó:**	1.000 đ				

	- Chi sửa chữa lớn từ nguồn thu của công ty - Chi SCL đề nghị ngân sách cấp					
VI	**Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ**	1.000đ				
1.	**Nội dung hỗ trợ**					
1.1	Cấp bù do miễn thu thuỷ lợi phí	1.000đ				
1.2	Cấp kinh phí trợ cấp tài chính	1.000đ				
1.3	Cấp 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.000đ				
1.4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	1.000đ				
1.5	Cấp khoản hỗ trợ khác	1.000đ				
2.	**Nguồn hỗ trợ**	1.000đ				
2.1	Ngân sách Trung ương	1.000đ				
2.2	Ngân sách địa phương	1.000đ				
VII	**Kế hoạch nộp ngân sách**	**1.000đ**				
1	Nộp tiền thuê đất	1.000đ				
2	Nộp thuế GTGT	1.000đ				
3	Nộp khác	1.000đ				
VIII	**Kế hoạch lao động tiền lương**	1.000đ				
1	Số lao động	1.000đ				
2	Quỹ tiền lương	1.000đ				

Người lập

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 03

(Kèm theo Thông tư số ngày tháng năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi).

Số.... /HĐ/KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Cung ứng và sử dụng dịch vụ cấp nước, tưới nước và tiêu nước

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự năm 2005 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi số 32/2001/PL/UBTVQH 10 ngày 4/4/2001 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Nghị định số 143/ 2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

- Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

- Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

- Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi.

- Căn cứ ....

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan đặt hàng: ....)

  + Địa chỉ:.....

  + Điện thoại: ....., Fax :.....

  + Mã số thuế:.....

  + Tài khoản: .....

  + Do ông, bà: .....

  + Chức vụ: ..... làm đại diện

- Đại diện bên B (cơ quan nhận đặt hàng.....)

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại: ....., Fax : .....

+ Mã số thuế:.....

+ Tài khoản: .....

+ Do ông (bà): .....

+ Chức vụ: .....làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng với các điều kiện sau:

Điều 1: Nội dung đặt hàng

1. Diện tích (ha, m3)

+ Cấp nước.....

+ Tưới nước.....

+Tiêu nước.....

2.Chất lượng

+ Cấp nước.....

+ Tưới nước.....

+Tiêu nước.....

3. Giá, đơn giá

4. Mức trợ giá (nếu có)

5. Giá trị hợp đồng

6. Thời gian hoàn thành

7. Phương thức nghiệm thu, thanh toán

Điều 2: Trách nhiệm mỗi bên

* **Bên A:** Phối hợp cơ quan tài chính lập kế hoạch về nguồn kinh phí hỗ trợ, thực hiện thanh toán và kiểm tra, giám sát theo đúng quy định của Thông tư số: /TT-BTC ngày tháng năm 2014 của Bộ Tài chính.

- **Bên B:**

- Đảm bảo cung ứng cấp nước đầy đủ, kịp thời theo tiến độ sản xuất.

Sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, lập báo cáo quyết toán sử dụng kinh phí hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 3: Hình thức, phương thức và thời hạn thanh toán:

Điều 4 : Điều khoản chung....

Đại diện bên A	**Đại diện bên B**
(Ký tên & đóng dấu)	(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục số 04

(Kèm theo Thông tư số 11 ngày 21 tháng 1 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi).

Số ..../BBTLHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Cung ứng và sử dụng dịch vụ cấp nước, tưới nước và tiêu nước

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự năm 2005 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày14/6/2005 có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi số 32/2001/PL/UBTVQH 10 ngày 4/4/2001 và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

- Căn cứ Nghị định số 143/ 2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

- Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

- Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm công ích;

- Căn cứ Thông tư số ngày tháng năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi ;

- Căn cứ ....;

- Căn cứ Hợp đồng số .....;

- Căn cứ vào báo cáo kết quả sản xuất và cung ứng sản phẩm;

- Căn cứ kết quả kiểm tra số lượng, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đặt hàng đủ tiêu chuẩn.

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan đặt hàng: ....)

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại: ....., Fax :.....

+ Mã số thuế:.....

+ Tài khoản: .....

+ Do ông, bà: .....

+ Chức vụ: ..... làm đại diện

- Đại diện bên B (doanh nghiệp.....)

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại: ....., Fax : .....

+ Mã số thuế:.....

+ Tài khoản: .....

+ Do ông (bà): .....

+ Chức vụ: .....làm đại diện

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm tưới tiêu và cấp nước như sau:

- Số lượng sản phẩm theo hợp đồng:
- Số lượng sản phẩm đặt hàng đạt tiêu chuẩn được nghiệm thu:
- Kinh phí trợ cấp (trợ giá):

+ Kinh phí được trợ cấp (trợ giá) theo hợp đồng:

+ Kinh phí được trợ cấp (trợ giá) theo kết quả nghiệm thu:

+ Kinh phí trợ cấp (trợ giá) đã được cấp ứng:

+ Kinh phí trợ cấp (trợ giá) được cấp tiếp:

+ Kinh phí trợ cấp (trợ giá) thừa nộp trả lại:

- Ý kiến của cơ quan đặt hàng (bên A): ....

- Ý kiến của cơ quan nhận đặt hàng (bên B): ...

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký tên & đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký tên & đóng dấu)